

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯỚNG HÓA
TỈNH QUẢNG TRỊ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST

Ngày 06-9-2018

*V/v tranh chấp “Ly hôn, tranh
chấp về nuôi con, chia tài sản khi
ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯỚNG HOÁ, TỈNH QUẢNG TRỊ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Tâm.
2. Ông Dương Phước Định.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mỹ Lâm – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Đợi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2018/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018 về việc tranh chấp “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2018/QĐST – HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị Hoài P, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: khóm T, thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

* *Bị đơn:* Anh Lê Bá T, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: khóm T, thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt lần thứ hai.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (NCQLNVLQ):*

- Ngân hàng A.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 02 L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Đức H – Trưởng phòng Kế hoạch và kinh doanh Ngân hàng A Chi nhánh Lao Bảo Quảng Trị là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng A (Quyết định về việc uỷ quyền số 127/QĐ – NHNoLB – KHKD ngày 05/9/2018 của Giám đốc Ngân hàng A Chi nhánh Lao

Bảo Quảng Trị). Có mặt.

- Chị Lê Thị Ánh T2, sinh năm: 1976.

Nơi ĐKKHKT: khu phố 7, phường 2, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 50 đường Thạch Hãn, khóm T, thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/3/2018; Bản trình bày ý kiến ngày 14/5/2018; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải các ngày 17/4/2018, 28/6/2018, 12/7/2018 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Hà Thị Hoài P trình bày: Chị Hà Thị Hoài P và anh Lê Bá T tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại UBND thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, gây gỗ lẫn nhau, anh T hay có hành vi bạo lực nên chị P đã về nhà bố mẹ để sinh sống. Vợ chồng không còn sống chung, chăm lo cho đời sống của nhau. Nhận thấy tình cảm không còn và mục đích hôn nhân không đạt được. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Lê Bá T.

Về con chung: Có 02 con chung. Khi ly hôn, chị Hà Thị Hoài P có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Lê Bá Anh Q, sinh ngày 20/5/2013 và Lê Bá Q, sinh ngày 13/9/2006. Yêu cầu anh Lê Bá T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000đồng/tháng/02 con.

Về chia tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng tạo lập được khối tài sản chung gồm: 01 (một) ngôi nhà xây cấp bốn, mái lợp tôn được xây dựng và gắn liền trên diện tích 308m², vị trí thửa đất tại khóm T, thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Trị giá nhà và đất, chị P đồng ý theo Biên bản định giá tài sản ngày 07/6/2018 là 580.189.638đồng (*năm trăm tám mươi triệu một trăm tám mươi chín nghìn sáu trăm ba mươi tám đồng*).

Khi ly hôn, chị P có nguyện vọng giao nhà và đất cho anh Lê Bá T được trực tiếp sử dụng, sở hữu. Anh Lê Bá T có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng A – Chi nhánh Lao Bảo Quảng Trị số tiền 200.000.000đồng. Anh Lê Bá T có nghĩa vụ phải thanh toán khoản tiền chênh lệch về tài sản chung cho chị P số tiền 190.000.000đồng.

Về khoản nợ chung:

Nợ Ngân hàng A – Chi nhánh Lao Bảo, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị số tiền 200.000.000đồng (*hai trăm triệu đồng*). Số tiền vay nói trên đã cho chị Lê Thị Ánh T2 (là em gái của anh T) mượn. Việc vay mượn tiền giữa chị T2 và vợ chồng anh T, chị P không được lập thành văn bản mà có mẹ anh T chứng kiến sự việc nhưng chị P không có yêu cầu Tòa án triệu tập bà Nguyễn Thị Đ tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng và hiện chị T2 vẫn chưa trả. Tại phiên tòa, chị Hà Thị Hoài P rút yêu cầu về việc buộc chị Lê Thị Ánh T2 phải có nghĩa vụ trả cho chị P và anh T số tiền đã mượn là 200.000.000đồng.

Chị P không thừa nhận việc chị T2, anh T cho rằng vợ chồng chị P, anh T nợ chị T2 số tiền là 95.000.000đồng.

Tại Bản tự khai đề ngày 04/5/2018; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải các ngày 17/4/2018, 28/6/2018, 12/7/2018 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Bá T trình bày:

Về tình cảm: Chị Hà Thị Hoài P và anh Lê Bá T tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại UBND thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, hay cãi vã về vấn đề tài chính. Chị P không chăm lo cho đời sống gia đình và con cái. Nhưng nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng. Vì vậy, mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái. Nhưng nếu chị P vẫn giữ nguyên yêu cầu giải quyết ly hôn thì anh T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh T đồng ý giao con Lê Bá Anh Q, sinh ngày 20/5/2013 cho chị Hà Thị Hoài P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Lê Bá Q, sinh ngày 13/9/2006. Không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Đối với 01 (một) ngôi nhà xây cấp bốn, mái lợp tôn được xây dựng và gắn liền trên diện tích 308m², vị trí thửa đất tại khóm T, thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị mà chị P trình bày là tài sản chung. Anh T cho rằng nguồn gốc về tài sản chung là của mẹ anh T (bà Nguyễn Thị Đ) cho vợ chồng để ra ở riêng. Anh T xác định trị giá nhà và đất là 270.000.000đồng. Nhưng sau khi Hội đồng định giá tài sản ngày 07/6/2018 là giá trị tài sản là 580.189.638 đồng, anh T không yêu cầu định giá lại tài sản. Anh T có nguyện vọng để lại tài sản chung cho các con và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ chung:

Nợ Ngân hàng A – Chi nhánh Lao Bảo Quảng Trị số tiền 200.000.000đồng.

Nợ chị Lê Thị Ánh T2 tổng cộng số tiền là 95.000.000đồng (trong đó 30.000.000đồng để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 30.000.000đồng tiền đưa chị P điều trị tại bệnh viện; mượn tiền mua xe máy là 23.000.000đồng và 12.000.000đồng anh T học bằng lái xe).

Tổng cộng khoản nợ chung: 295.000.000đồng (hai trăm chín mươi lăm triệu đồng). Anh T yêu cầu giải quyết chia đôi nghĩa vụ trả nợ chung.

Anh T không thừa nhận sự việc chị T2 có mượn vợ chồng anh T, chị P số tiền 200.000.000đồng như chị P đã trình bày.

Tại Văn bản tham gia ý kiến đề ngày 30/3/2018; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải các ngày 28/6/2018, 12/7/2018 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng A trình bày:

Anh Lê Bá T và Ngân hàng A - Chi nhánh Lao Bảo Quảng Trị đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 3901 - LVA - 201501450 ngày 19/11/2015 và Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân ngày 14/11/2017 với hạn mức tín dụng là 200.000.000đồng, thời hạn 12 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 13/11/2018. Để bảo đảm cho nghĩa vụ vay vốn của hợp đồng tín dụng, chị Hà Thị Hoài P, anh Lê Bá T đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên diện tích 308m², thửa số 94, tờ bản đồ số 38, địa chỉ thửa đất tại khóm T, thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 149839 do UBND huyện Hướng Hóa cấp ngày 12/12/2011 đứng tên người sử dụng đất anh Lê Bá T và chị Hà Thị Hoài P theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/191125220/HĐTC ngày 19/11/2015 đã được ký kết giữa Ngân hàng NN&PTNT – Chi nhánh Lao Bảo Quảng Trị và anh Lê Bá T, chị Hà Thị Hoài P. Trường hợp vợ chồng ly hôn, không thỏa thuận được vấn đề chia tài sản và Tòa án quyết định giao tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng cho bên được quyền sở hữu, sử dụng thì buộc bên đó có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện và chịu trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ khi đến hạn theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 28/6/2018 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Ánh T2 trình bày:

Chị T2 có cho vợ chồng anh T và chị P mượn tổng cộng số tiền là 95.000.000đồng (trong đó mượn 30.000.000đồng để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 30.000.000đồng tiền đi chăm sóc chị P khi nằm điều trị ở bệnh viện; mượn tiền mua xe là 23.000.000đồng và 12.000.000đồng để anh T đi học bằng lái xe). Khi mượn tiền giữa các bên không lập bằng văn bản mà chỉ thỏa thuận bằng miệng. Nay yêu cầu anh T, chị P phải có nghĩa vụ mỗi người trả một nửa.

Chị T2 không thừa nhận việc đã mượn của anh T, chị P số tiền 200.000.000đồng như chị P đã trình bày.

Tại Biên bản lấy ý kiến của cháu Lê Bá Q vào ngày 09/4/2018, cháu Quý xác định nguyện vọng của cháu là yêu cầu được tiếp tục sống cùng với chị P.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:

Thẩm phán, Thư ký được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã được thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa được tiến hành công khai, công bằng. Bảo đảm sự vô tư, khách quan trong tố tụng dân sự. Đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 48, 51, 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc Thẩm phán thụ lý vụ án không yêu cầu người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Lê Thị Ánh T2 nộp tạm ứng án phí sơ thẩm đối với yêu cầu trả nợ là vi phạm quy định tại điều 146 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc giao nộp tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn và người có QLNVLQ là Ngân hàng A thực hiện tương đối đầy đủ;

Bị đơn không đồng ý với kết quả định giá của Hội đồng định giá; Yêu cầu giải quyết về khoản nợ chung nhưng không nộp bổ sung các tài liệu, chứng cứ theo quy định tại Điều 96 BLTTDS. Không tham gia phiên tòa xét xử ngày 30/8/2018, HĐXX phải ra quyết định hoãn phiên tòa; Phiên tòa được xét xử lại vào hôm nay 06/9/2018.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tại phiên tòa, xét thấy:

Căn cứ Điều 56, 59, 60, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 244, 463, 466; khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị HĐXX:

- Đình chỉ xét xử phần yêu cầu buộc chị T2 có nghĩa vụ trả nợ cho anh T, chị P số tiền 200.000.000đồng.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Hà Thị Hoài P được ly hôn với anh Lê Bá T.

- Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Hà Thị Hoài P, giao cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu Lê Bá Q, sinh ngày 19/09/2006 và Lê Bá Anh Q sinh ngày 20/5/2013. Anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đồng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Có đầy đủ chứng cứ thể hiện vợ, chồng Anh T, chị P có 01 lô đất, diện tích 308 m², thửa đất số 94, tờ bản đồ số 38 tại khóm Tân Kim, TT Lao Bảo, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị theo GCNQSDĐ số BI 149839 cấp ngày 12/12/2011. Trên đất có 01 ngôi nhà. Tổng giá trị tài sản chung gồm nhà và quyền sử dụng đất là 580.189.638đồng. Chấp nhận ý kiến của Ngân hàng NNVPTNT Việt Nam chi nhánh Lao Bảo, Quảng Trị đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Đức H: Tòa án giải quyết cho anh T chị P ly hôn thì Tòa án quyết định giao tài sản thế chấp cho bên nào sở hữu, sử dụng thì buộc bên đó có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng và chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ khi đến hạn theo hợp đồng số 3901-LVA-201501450 ngày 19/11/2015. Vì vậy, giao tài sản chung là nhà và quyền sử dụng đất nói trên cho anh T trực tiếp sử dụng, sở hữu. Anh T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng A chi nhánh Lao Bảo Quảng Trị số tiền nợ 200.000.000đồng khi

đến hạn. Anh Lê Bá T có nghĩa vụ thanh toán 1/2 trị giá tài sản chung cho chị P là 190.095.000đồng.

- Về yêu cầu của người CQLNVLQ chị Lê Thị Ánh T2 buộc anh T, chị P phải trả số tiền 95.000.000đồng. Anh T công nhận số tiền nợ, chị P không công nhận. Quá trình thụ lý, Tòa án đã có thông báo số 02/2018/TB-TA ngày 06/6/2018 để anh T bổ sung chứng cứ, chứng minh khoản nợ chị T2 số tiền 95.000.000đồng nhưng anh T không thực hiện. Chị T2 không nộp tạm ứng án phí, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 12/7/2018, không cung cấp chứng cứ, không tham gia phiên tòa và cũng không có ý kiến gì để bảo vệ quyền lợi của mình. Vì vậy không có cơ sở để giải quyết trong vụ án này.

- Về án phí DSST: Buộc chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, án phí về chia tài sản chung ; buộc anh T chịu án phí cấp dưỡng nuôi con và án phí về chia tài sản chung theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hà Thị Hoài P giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Trích lục kết hôn (*bản sao*); Trích lục khai sinh con Lê Bá Anh Q và Lê Bá Q (*bản sao*); Đơn xin xác nhận hộ khẩu anh Lê Bá T và chị Hà Thị Hoài P (BL03 - 06), Đơn yêu cầu ra quyết định định giá và xem xét thẩm định tại chỗ; Đơn xin xác nhận mức lương và công tác (*bản chính*) (BL37 - 38). Bị đơn anh Lê Bá T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Ánh T2 không giao nộp tài liệu, chứng cứ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng A giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Quyết định về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án; Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân; Hợp đồng tín dụng; Giấy ủy quyền; Biên bản xác định giá trị tài sản bảo đảm; Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 149839 (*bản sao, chứng thực*) (BL14 - 28).

Tòa án đã thu thập được các tài liệu, chứng cứ gồm: Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (BL 47 - 51), Ủy nhiệm chi (BL 74) (*bản sao, chứng thực*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã trực tiếp cấp, tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn anh Lê Bá T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Ánh T2 nhưng tại phiên tòa anh Lê Bá T và chị Lê Thị Ánh T2 vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Bá T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Ánh T2. Đối với sự

vắng mặt của chị Lê Thị Ánh T2 có yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Hà Thị Hoài P và anh Lê Bá T phải trả số tiền là 95.000.000đồng nhưng nay vắng mặt tại lần thứ hai không có lý do nên được xem là từ bỏ yêu cầu, nếu đương sự có yêu cầu thì được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 06/01/2016 Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Tại phiên tòa, chị Hà Thị Hoài P thay đổi không yêu cầu chị Lê Thị Ánh T2 phải trả cho chị P, anh T số tiền đã mượn là 200.000.000đồng. HĐXX xét thấy, việc chị P thay đổi yêu cầu là tự nguyện nên căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận việc thay đổi yêu cầu của chị P và không xem xét đối với phần yêu cầu buộc chị T2 trả cho chị P, anh T số tiền 200.000.000đồng. Nếu sau này chị P yêu cầu thì giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Đối với yêu cầu ly hôn của chị Hà Thị Hoài P, HĐXX thấy: Chị Hà Thị Hoài P và anh Lê Bá T tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại UBND thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, đã cố gắng khắc phục nhưng không thể hàn gắn. Thấy mâu thuẫn xảy ra từ lâu, vợ chồng không còn sống chung, không còn chăm lo cho nhau nên đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho chị Hà Thị Hoài P được ly hôn anh Lê Bá T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, chị Hà Thị Hoài P và anh Lê Bá T có hai con chung. Hiện cả hai cháu đang sống cùng với chị P, anh T và phát triển bình thường. Chị P có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000đồng/tháng/02 con. Anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Bá Q, sinh ngày 13/9/2006 và giao cháu Lê Bá Anh Q, sinh ngày 20/5/2013 cho chị P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy, hiện tại chị P chưa có chỗ ở ổn định, đang sống nhờ gia đình bố mẹ, điều kiện về kinh tế với mức lương 7.000.000đồng/tháng để chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con là chưa đảm bảo nên cần xét nguyện vọng của cháu Quý và thấy anh T, chị P đều có công việc và đủ điều kiện để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con; Vì vậy, cần giao cháu Lê Bá Q, sinh ngày 13/9/2006 cho anh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Lê Bá Anh Q, sinh ngày 20/5/2013 cho chị P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình.

[5] Đối với yêu cầu của chị P giải quyết về chia tài sản chung là 01 (một) ngôi nhà mái lợp tôn, thuộc nhóm nhà D03 được xây dựng và gắn liền trên diện tích 308m², thửa số 94, tờ bản đồ số 38, địa chỉ thửa đất tại khóm T, thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 149839 do UBND huyện Hướng Hóa cấp ngày 12/12/2011 đứng tên người sử dụng đất anh Lê Bá T và chị Hà

Thị Hoài P. HĐXX thấy: Anh T, bà Đóa cho rằng, nguồn gốc tài sản do gia đình bà Nguyễn Thị Đ (là mẹ anh T) đã tự khai hoang nhưng chưa làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất. Đến năm 2008 đã cho gia đình vợ chồng anh T chị P ở riêng, việc anh T làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất đứng tên anh T, chị P gia đình bà Đóa không biết, nhưng bà Đóa không có yêu cầu độc lập nên không xem xét (BL86 - 87). HĐXX xét thấy: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất được UBND huyện Hướng Hóa cấp ngày 12/12/2011 đứng tên người sử dụng đất anh Lê Bá T và chị Hà Thị Hoài P là tài sản có được sau khi kết hôn, được hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên là tài sản chung của vợ chồng phù hợp theo quy định tại Điều 33, khoản 3 Điều 38 của Luật hôn nhân gia đình cần được chấp nhận.

Về xác định giá trị tài sản, Tòa án đã thành lập Hội đồng định giá xác định giá trị tài sản theo yêu cầu và chị P đồng ý kết quả định giá theo Biên bản định giá đã xác định giá trị nhà và quyền sử dụng đất là 580.189.638đồng. Anh T không đồng ý nhưng không yêu cầu định giá lại tài sản nên cần chấp nhận giá trị tài sản theo Biên bản định giá ngày 07/6/2018 là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Thông tư số 02/2014/TTLT – TANDT – VKSNDTC – BTP – BTC ngày 28/3/2014.

Tổng cộng tài sản chung là: 580.189.638đồng (*năm trăm tám mươi triệu một trăm tám mươi chín nghìn sáu trăm ba mươi tám đồng*).

[7] Về khoản nợ chung:

Đối với khoản nợ tại Ngân hàng A số tiền 200.000.000đồng. HĐXX xét thấy: Theo Hợp đồng tín dụng số 3901 - LVA - 201501450 ngày 19/11/2015 và Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân ngày 14/11/2017 với hạn mức tín dụng là 200.000.000đồng, thời hạn 12 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 13/11/2018 đã được ký kết giữa anh Lê Bá T và Ngân hàng A – Chi nhánh Lao Bảo Quảng Trị. Nay Ngân hàng A yêu cầu buộc bên được Tòa án quyết định giao quyền sử dụng, sở hữu tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng là: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên diện tích 308m², thửa số 94, tờ bản đồ số 38, địa chỉ thửa đất tại khóm T, thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 149839 do UBND huyện Hướng Hóa cấp ngày 12/12/2011 đứng tên người sử dụng đất anh Lê Bá T và chị Hà Thị Hoài P theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/191125220/HĐTC ngày 19/11/2015 đã được ký kết giữa Ngân hàng NN&PTNT – Chi nhánh Lao Bảo Quảng Trị và anh Lê Bá T, chị Hà Thị Hoài P có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện hợp đồng và chịu trách nhiệm trả nợ gốc số tiền 200.000.000đồng và lãi tiền vay theo thỏa thuận trong hợp đồng và trên từng giấy nhận nợ cho Ngân hàng A. Anh T và chị P đều thừa nhận, vì vậy cần chấp nhận đây là khoản nợ chung của vợ chồng là phù hợp với quy định tại khoản 1, 3 Điều 37 và Điều 60 của Luật hôn nhân gia đình.

Tổng cộng khoản nợ chung: 200.000.000đồng (*hai trăm triệu đồng*).

Xét thấy chị P có nguyện vọng và hiện tại anh T đang cùng các con sinh sống ổn định tại căn nhà trên cho nên cần giao cho anh Lê Bá T được trực tiếp sử dụng, sở hữu giao toàn bộ tài sản chung là ngôi nhà, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất trị giá là 580.189.638đồng. Anh Lê Bá T có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện hợp đồng và chịu trách nhiệm trả nợ gốc 200.000.000đồng và tiền lãi hàng tháng cho Ngân hàng A theo thỏa thuận trong hợp đồng là phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 62 và Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét các yếu tố đóng góp công sức tạo lập tài sản, khi chia tài sản chung của vợ chồng để xác định tỷ lệ tài sản mà vợ chồng được chia, HĐXX thấy: Quá trình tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung là do sự đóng góp về tài sản riêng của gia đình bà Nguyễn Thị Đ (mẹ của anh T) khai hoang từ năm 1975 và đến năm 2008 đã cho vợ chồng anh T, chị P để ra ở riêng và là tài sản chung của vợ chồng (BL 37, 38). Nên anh Lê Bá T được xem là có công sức đóng góp nhiều hơn sẽ được chia nhiều hơn theo tỷ lệ anh T được hưởng 60% giá trị tài sản chung sau khi đã thanh toán việc thực hiện nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng cho Ngân hàng A số tiền nợ gốc là 200.000.000đồng (580.189.638đồng – 200.000.000đồng = 380.189.638đồng) tương ứng là 380.189.638đồng x 60% = 228.113.783đồng; chị P được hưởng 40% giá trị tài sản chung tương ứng là 380.189.638đồng x 40% = 152.075.855đồng là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 4 Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 06/01/2016 Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Anh Lê Bá T có nghĩa vụ phải thanh toán khoản tiền chênh lệch về tài sản chung cho chị Hà Thị Hoài P số tiền 152.075.855đồng (*một trăm năm mươi hai triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm năm mươi lăm đồng*).

Đối với ý kiến về việc giải quyết của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như phần tranh luận tại phiên tòa.

[8] Về án phí: Áp dụng khoản 2, 4 Điều 147 BLTTDS và điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc:

Chị Hà Thị Hoài P phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản chung của vợ chồng đối với giá trị phần tài sản được hưởng là 152.075.855đồng x 5% = 7.603.792đồng. Tổng cộng là 7.903.792đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.750.000đồng theo Biên lai số AA/2014/0007057 ngày 19/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hướng Hóa. Chị Hà Thị Hoài P được hoàn trả số tiền chênh lệch là 846.208đồng. Anh Lê Bá T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản chung của vợ chồng đối với giá trị phần tài sản được hưởng là 228.113.783đồng x 5% = 11.405.689đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 228; điểm b, d khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 244 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự ; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 33; khoản 3 Điều 38; khoản 1, 2, 3 Điều 37; Điều 59; Điều 60; điểm c khoản 1 Điều 62 của Luật hôn nhân và Gia đình; Thông tư số 02/2014/TTLT – TANDT – VKSNDTC – BTP – BTC ngày 28/3/2014; điểm b khoản 4 Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 06/01/2016 và khoản 2, 4 Điều 147 BLTTDS và điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hà Thị Hoài P, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Hoài P được ly hôn anh Lê Bá T.

Về con chung: Giao con Lê Bá Anh Q, sinh ngày 20/5/2013 cho chị Hà Thị Hoài P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Lê Bá T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Lê Bá Q, sinh ngày 13/9/2006. Không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về chia tài sản chung: Giao cho anh Lê Bá T được quyền sử dụng, sở hữu quyền sử dụng một ngôi nhà mái lợp tôn thuộc nhóm nhà D03 được xây dựng trên diện tích đất 308m², thửa số 94, tờ bản đồ số 38, địa chỉ thửa đất tại khóm T, thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 149839 do UBND huyện Hướng Hóa cấp ngày 12/12/2011. Trị giá tài sản chung là **580.189.638đồng** (năm trăm tám mươi triệu một trăm tám mươi chín nghìn sáu trăm ba mươi tám đồng).

Anh Lê Bá T có nghĩa vụ phải thanh toán khoản tiền chênh lệch về chia tài sản chung cho chị Hà Thị Hoài P số tiền **152.075.855đồng** (một trăm năm mươi hai triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm năm mươi lăm đồng).

Về khoản nợ chung: Anh Lê Bá T có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện và chịu trách nhiệm trả toàn bộ nợ gốc là **200.000.000đồng** (hai trăm triệu đồng) và tiền lãi vay hàng tháng theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 3901 - LVA - 201501450 ngày 19/11/2015 và Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân ngày 14/11/2017, hạn trả nợ cuối cùng ngày 13/11/2018 kèm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/191125220/HĐTC ngày 19/11/2015 đã được ký kết giữa Ngân hàng NN&PTNT – Chi nhánh Lao Bảo Quảng Trị và anh Lê Bá T, chị Hà Thị Hoài P. Tài sản thế chấp bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên diện tích 308m², thửa số 94, tờ bản đồ số 38, địa chỉ thửa đất tại khóm T, thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 149839 do UBND huyện Hương Hóa cấp ngày 12/12/2011 cho Ngân hàng A.

2. Về án phí DSST: Chị Hà Thị Hoài P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đồng và án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản chung của vợ chồng đối với giá trị phần tài sản được hưởng là $152.075.855\text{đồng} \times 5\% = 7.603.792\text{đồng}$. Tổng cộng là 7.903.792đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.750.000đồng theo Biên lai số AA/2014/0007057 ngày 19/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hương Hóa. Chị Hà Thị Hoài P được hoàn trả số tiền chênh lệch là 846.208đồng. Anh Lê Bá T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản chung của vợ chồng đối với giá trị phần tài sản được hưởng là $228.113.783\text{đồng} \times 5\% = 11.405.689\text{đồng}$.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Chị Hà Thị Hoài P và Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (06/9/2018). Anh Lê Bá T và chị Lê Thị Ánh T2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q.Trị;
- VKSND huyện H.Hóa;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện H.Hóa;
- UBND TT Lao Bảo, huyện H.Hóa;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Phương